TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HỒI** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22-02-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI, TỈNH KON TUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Thành Long và bà Bùi Thị Minh Châu.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Công Phúc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Hồi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi tham gia phiên tòa: bà Hiêng Thị Liên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22-02-2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2023/TLST-HNGĐ ngày 12-10-2023, về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05-01-2024, quyết định hoãn phiên tòa số:02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22-01-2024; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hà Văn N, sinh năm 1986; địa chỉ: tổ dân phố 6, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Chị Bạch Thị H, sinh năm: 1987; địa chỉ: tổ dân phố 6, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn – anh Hà Văn N trình bày:

+ Về hôn nhân: Anh và chị Bạch Thị H tự nguyện tìm hiểu, kết hôn vào năm 2016, khi kết hôn chúng tôi đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện E, tỉnh Đ. Sau khi kết hôn về chung sống với nhau thời gian đầu hạnh

phúc, đến tháng 02 năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như: Chị H không lo làm ăn trong cuộc sống, nên về kinh tế thì giữa hai vợ chồng có nhiều bất đồng với nhau, những bất đồng về quan điểm sống trước đó cũng đã kéo dài thường không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cải nhau, xúc phạm nhau và chị H không lo làm ăn trong cuộc sống, không lo chăm sóc con cái cụ thể đầu tháng 02/2023 chị H bỏ nhà đi cho đến nay một mình anh N phải chăm sóc các con. Cũng từ năm đầu tháng 02/2023 đến nay, hai vợ chồng sống ly thân với nhau, nên tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, kể từ đó vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau. Nay tình cảm vợ chồng thực sự không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên anh N xin được ly hôn với chị H.

+ Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai con chung là Hà Khánh L, sinh ngày 22/11/2018 và Hà Khánh C, sinh ngày 22/11/2018. Sau khi chị H bỏ đi từ đầu tháng 2 năm 2023 cho đến nay chị H không hề quan tâm con, một mình anh N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con cho đến nay, khi ly hôn anh N nhận nuôi hai con cho đến khi các con trưởng thành và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Anh Hà Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Bạch Thị H vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, yêu cầu viết bản khai và giao nộp tài liệu chứng cứ; triệu tập để lấy lời khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập. Tại phiên toà chị Huyền vắng mặt, nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa: Anh Hà Văn N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật:

+ Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đầy đủ các thủ tục tiến hành tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 97, 98, 195, 196, 203 và 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án dân sự.

+ Về phía người tham gia tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại

phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm thực hiện nhĩa vụ tố tụng theo quy định tai Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hà Văn N được ly hôn với chị Bạch Thị H.

+ Về con chung: Giao hai con chung tên Hà Khánh L và Hà Khánh C cho anh N nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, chị H không có nghiã vụ cấp dưỡng; tài sản chung và nợ chung: anh N không yêu cầu, đề nghị không xem xét; buộc nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Hà Văn N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn, về nuôi con giữa anh với chị Bạch Thị H. Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại tổ dân phố 6, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*; thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn - chị Bạch Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ vắng mặt lần 2 không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Đối với quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn anh Hà Văn N trong quá trình nộp đơn khởi kiện và cung cấp tài liệu, chứng cứ kèm theo, cũng như việc thu thập tài liệu, chứng cứ của Tòa án thể hiện anh Hà Văn N và chị Bạch Thị H tự nguyện kết hôn, có Giấy chứng nhận kết hôn do Uỷ ban nhân dân xã C, huyện E, tỉnh Đ cấp ngày 12-12-2016, nên theo khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị H được pháp luật công nhận.

[3.2] Theo trình bày của anh N, sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung

sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như: Chị H không lo làm ăn trong cuộc sống, nên về kinh tế thì giữa hai vợ chồng có nhiều bất đồng với nhau, những bất đồng về quan điểm sống trước đó cũng đã kéo dài thường không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cải nhau, xúc phạm nhau và chị H không lo làm ăn trong cuộc sống, không lo chăm sóc con cái cụ thể đầu tháng 02/2023 chị H bỏ nhà đi cho đến nay một mình anh N phải chăm sóc các con. Cũng từ năm đầu tháng 02/2023 đến nay, hai vợ chồng sống ly thân với nhau, nên tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, kể từ đó vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau. Nay tình cảm vợ chồng thực sự không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên anh N xin được ly hôn với chị H.

[3.3] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh N và chị H, được chính quyền tổ dân phố nơi vợ chồng anh chị sinh sống cũng xác nhận tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã ly thân từ vì đầu tháng 2 năm 2023 chị H bỏ đi đến nay không chung sống cùng nhau, anh N hiện nay một mình nuôi hai con từ khi chị H đi khỏi nhà.

[3.4] Như vậy, có cơ sở xác định: Kể từ đầu tháng 02 năm 2023 vợ chồng anh N – chị H có xảy ra mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau. Mặt khác, dù mâu thuẫn vợ chồng đã diễn ra trong một thời gian dài nhưng đến nay nguyên đơn và bị đơn vẫn không thể giải quyết để hàn gắn tình cảm và quay về sống chung. Trong quá trình chuẩn bị xét xử, cả chị H và anh N đều không có mong muốn được đoàn tụ. Điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N- chị H đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hà Văn N được ly hôn với chị Bạch Thị H, như quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi.

[3.4] Về con chung: Anh N và chị H quá trình chung sống với nhau có hai con chung là Hà Khánh L, sinh ngày 22/11/2018 và Hà Khánh C, sinh ngày 22/11/2018, từ sau khi anh N và chị H không sống chung, cháu L và cháu C vẫn đang sống chung với anh N đến nay, chị H không quan tâm, chăm sóc đến con. Anh N đã chăm sóc, nuôi dưỡng tốt hai con. Hiện nay, anh N có công việc, thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng con chung, chị H không có ý kiến gì về yêu cầu nuôi con của anh N. Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Hà Khánh L và Hà Khánh C cho anh Hà Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L và cháu C thành niên. Chị H được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Chị H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến

việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con của anh Nhã. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh N không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, nên chị H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[3.5] Về tài sản chung: Anh Hà văn N, cũng như chị Bạch Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Anh Hà Văn N phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 19, 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Văn N được ly hôn với chị Bạch Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Khánh L, sinh ngày 22/11/2018 và Hà Khánh C, sinh ngày 22/11/2018 cho anh Hà Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L và cháu C thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị H có quyền thăm nom con không ai được cản trở. Chị H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con của anh N.

3. Về án phí: Anh Hà Văn N phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng mà anh Hà Văn N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0001904 ngày 12-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi. Anh Hà Văn N đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Khi có căn cứ theo khoản 2 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Anh N không yêu cầu, chị H không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22-02-2024), anh Hà Văn N có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm. Chị Bạch Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án

được niêm yết.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hành

Nơi nhận:
- TAND t. Kon Tum;
- VKSND t. Kon Tum;
- VKSND h. Ngọc Hồi;
- Chi cục THADS h. Ngọc Hồi;
- Các đương sự;
- UBND xã C
- Lưu Hồ sơ.

-